

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Chương 5

cun-duong-than-cong.com

Nội dung

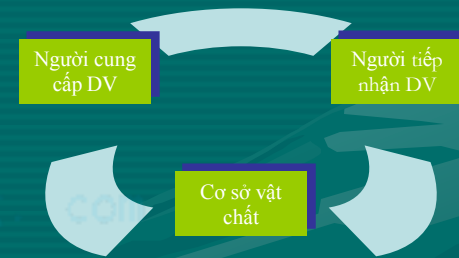
- Khái niệm về thương mại dịch vụ
- Thương mại dịch vụ trong GATS/WTO
- TMDV trong Hiệp định BTA
- Vai trò của TMDV
- Xu hướng phát triển của TMDV

I. Khái niệm dịch vụ

1. Khái niệm

2. Đặc điểm

- Tính vô hình
- Tính hoạt động
- Tính không thể tách rời
- Tính không đồng nhất
- Tính không cất trữ được
- Tính không có sự chuyển quyền sở hữu



I. Khái niệm dịch vụ

3. Phân loại dịch vụ

a. Theo mục tiêu của dịch vụ

- Dịch vụ phân phối (Distributive services): vận chuyển, lưu kho, bán buôn, bán lẻ, quảng cáo, môi giới, ...
- Dịch vụ sản xuất (Producer services): dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, pháp lý, các dịch vụ về kỹ sư và kiến trúc công trình, ...
- Dịch vụ xã hội (Social services): dịch vụ về chăm sóc sức khỏe, y tế, vệ sinh, bưu chính viễn thông, dịch vụ nghe nhìn, ...
- Dịch vụ cá nhân (Personal services): dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, giải trí, văn hoá, dịch vụ sửa chữa...

Phân loại dịch vụ

b. Theo tính chất thương mại :

- Dịch vụ không mang tính chất thương mại: không nhằm mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Ví dụ: dịch vụ giáo dục công (khác với dịch vụ giáo dục do tư nhân cung cấp cho một nhóm khách hàng cụ thể nhằm mục tiêu lợi nhuận), dịch vụ y tế công đồng ...
- Dịch vụ mang tính chất thương mại: nhằm mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Ví dụ: dịch vụ quảng cáo, dịch vụ môi giới ... Là đối tượng của thương mại dịch vụ.

c. Cách phân loại của GATS/WTO và BTA: phần sau

II. Thương mại dịch vụ trong GATS

Tại Điều 1 - Khoản 2 của GATS, TMDV là việc cung cấp DV:

- từ lãnh thổ của một Thành viên vào lãnh thổ của bất kỳ một Thành viên nào khác; (mode 1-cross border trade)
 - cung cấp dịch vụ tư vấn qua điện thoại, fax, email
- trên lãnh thổ của một Thành viên cho người tiêu dùng dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác; (mode 2-consumption abroad)
 - khách đi du lịch sang nước Thành viên, tiêu thụ dịch vụ khách sạn, giải trí tại nước họ đến; gửi một con tàu ra nước ngoài sửa chữa
- bởi một người cung cấp dịch vụ của một Thành viên thông qua sự hiện diện thương mại trên lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào khác; (mode 3-commercial presence)
 - Phương thức này liên quan trực tiếp đến việc đầu tư tại thị trường nước khác để tiến hành hoạt động kinh doanh
- bởi một người cung cấp dịch vụ của một Thành viên thông qua sự hiện diện thể nhân trên lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào khác. (mode 4-presence of natural persons)
 - một luật sư hoạt động độc lập của Pháp sang Ý để tiến hành bào chữa cho một thân chủ người Ý

Ngoại lệ

Những loại hình dịch vụ sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của GATS:

- Những quy định về di trú
- Những dịch vụ thực hiện quyền lực nhà nước
- Chính sách ngân sách và các biện pháp thuế
- Hệ thống thuế quan
- Một số mặt trong lĩnh vực bảo hộ các nhà đầu tư liên quan đến di chuyển tư bản
- Quản lý tỷ giá ngoại hối

Đặc điểm TMDV trong GATS

- Việc trao đổi dịch vụ quốc tế không phải chỉ là sự di chuyển cả dịch vụ như đối với hàng hoá mà còn đòi hỏi phải có sự di chuyển qua biên giới của một trong các yếu tố người cung cấp hoặc người tiêu dùng dịch vụ
- TMDV chịu ảnh hưởng rất lớn của các quy định trong nước của mỗi quốc gia do việc tiêu dùng dịch vụ diễn ra đồng thời với việc cung cấp trên lãnh thổ của một quốc gia
- Việc thống kê giá trị TMDV gặp nhiều khó khăn.
 - Trong tài liệu của IMF, dịch vụ chỉ được tách thành ba nhóm: vận tải, đi lại, và các dịch vụ khác. Cách tính này đã gộp rất nhiều dịch vụ đa dạng vào một nhóm duy nhất

Tự đọc

- Sự ra đời của GATS
- Cấu trúc của GATS
- Phân loại DV theo GATS: 12 ngành, mỗi ngành dịch vụ lại được chia ra các phân ngành, trong các phân ngành có liệt kê các hoạt động dịch vụ cụ thể.
 - Việc phân loại dịch vụ theo WTO rất thích hợp cho việc xúc tiến đàm phán về mở cửa thị trường dịch vụ quốc tế.
- Các nội dung chủ yếu của GATS

III. Thương mại dịch vụ theo BTA

Tại điều 1 chương III - Thương mại dịch vụ, BTA đã nêu ra định nghĩa về thương mại dịch vụ và phạm vi điều chỉnh của Hiệp định về thương mại dịch vụ. Theo đó, thương mại dịch vụ được định nghĩa là việc cung cấp một dịch vụ:

- từ lãnh thổ của một Bên vào lãnh thổ của Bên kia; (mode 1)
- tại lãnh thổ của một Bên cho người sử dụng dịch vụ của Bên kia; (mode 2)
- bởi một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên, thông qua sự hiện diện thương mại tại lãnh thổ của Bên kia; (mode 3)
- bởi một nhà cung cấp dịch vụ của một Bên, thông qua sự hiện diện của các thể nhân của một Bên tại lãnh thổ của Bên kia. (mode 4)

=> Giống GATS

Tự đọc

1. Sự ra đời của BTA

2. Định nghĩa và phạm vi điều chỉnh TMDV

3. Nội dung điều chỉnh TMDV

4. Các cam kết của Việt Nam trong BTA

- Các cam kết nền chung
- Các cam kết cụ thể trong từng lĩnh vực

IV. Vai trò của TMDV

- TMDV thúc đẩy thương mại hàng hoá phát triển
 - đây là vai trò quan trọng nhất của TMDV
- TMDV góp phần chuyển dịch cơ cấu đầu tư trên toàn thế giới
 - Do các ngành dịch vụ ngày càng tăng về tỷ suất lợi nhuận so với các ngành sản xuất khác nên đầu tư trực tiếp đối với các ngành dịch vụ tăng lên (luôn chiếm đến 3/5 giá trị đầu tư trực tiếp), tập trung vào các ngành như du lịch, viễn thông, tài chính, giải trí
- TMDV tạo ra số lượng việc làm đáng kể cho nền kinh tế toàn cầu: Tại các nước phát triển, tỷ lệ lao động liên quan đến các ngành cung cấp dịch vụ chiếm khoảng 80%.
 - Ví dụ như số lao động trong ngành cung cấp dịch vụ ở Mỹ: 1940: 19,4 triệu người, 1983: 66,3 triệu người, 1995: 80 triệu người, 2000: 93,2 triệu người, tức 86% lao động xã hội.

V. Xu hướng phát triển TMDV trên TG

- Tổng GT TMDV TG có xu hướng ngày càng tăng
- TMDV ngày càng góp phần quan trọng trong nền kinh tế của các nước, đặc biệt là các nước phát triển, và trong thương mại quốc tế
 - Hiện nay TMVD chiếm 20% giá trị thương mại thế giới. Liên minh châu Âu (EU) là nguồn xuất khẩu dịch vụ quan trọng nhất thế giới (chiếm khoảng 43% tổng thương mại dịch vụ của EU, sử dụng trên 42% lực lượng lao động xã hội và đóng góp gần 50% tổng sản phẩm quốc nội của các nước thuộc Liên minh)
- Các lĩnh vực dịch vụ có tầm quan trọng đáng kể đối với nền kinh tế của các nước đang phát triển
- Tuy nhiên, tỉ trọng ngành dịch vụ trong GDP ở nhiều nước là khá cao nhưng giá trị kim ngạch TMDV lại tương đối nhỏ

Xu hướng phát triển TMDV ở VN

- Tăng khá nhanh trong giai đoạn 1991-1995 (8,6%), nhưng 1996-2000 tăng chậm lại (5,7%) và đang có xu hướng hồi phục trong những năm gần đây (2001: 6,1%; 2002: 6,54% và 2003: 6,57%)
- Tỷ trọng chưa cao, chỉ đạt 36-37% trong GDP (45% là TB). Xu thế tỷ trọng này đã giảm từ 37,1% năm 1995 xuống còn 36,1% năm 2002
- Cơ cấu đa dạng với nhiều phân ngành dịch vụ khác nhau. Tuy nhiên, chỉ tập trung ở hai công đoạn lắp ráp và gia công chế biến. Các dịch vụ khác như nghiên cứu khoa học, thiết kế kiểu dáng hay tiếp thị, nghiên cứu thị trường... đều kém phát triển. Các phân ngành dịch vụ quan trọng như tài chính, viễn thông, cơ sở hạ tầng...chưa đủ mạnh. Đến nay cả dịch vụ vận tải và dịch vụ viễn thông mới chỉ chiếm 9,6% trong toàn ngành dịch vụ và dịch vụ tài chính chỉ chiếm 5%
- Tạo ra nhiều việc làm tuy nhiên, mới chỉ có 25% lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ. Sức ép hàng năm Việt Nam cần phải tăng thêm khoảng 1,7 triệu lao động, trong khi đó ngành công nghiệp và nông nghiệp chỉ thu hút được tối đa là 1,1 triệu lao động, thì ngành dịch vụ cần phải tạo ra 0,9 triệu lao động hàng năm, nhưng với tốc độ tăng trưởng hiện nay, ước tính mỗi năm, chỉ đáp ứng được 0,5 triệu lao động.
- Chưa thực sự tạo ra môi trường tốt cho toàn bộ nền kinh tế phát triển. Hiện tại các chi phí dịch vụ viễn thông, cảng biển, vận tải...của Việt Nam đang cao hơn mức trung bình của các nước trong khu vực (viễn thông cao hơn 30-50%, vận tải đường biển cao hơn từ 40-50%).